

Bản án số: 139/2023/HS-ST
Ngày 30-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường.

Bà Lê Thị Mỹ.

Bà Từ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 10 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn Ch sinh năm 1987 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: số B, đường Nh, khu phố Bình H, phường Bình N, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: Số E, đường V, khu phố C, phường Lái Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn X và bà Huỳnh Thị L (đã mất); bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị A và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 03 tháng 02 năm 2023 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Ch: Ông Hoàng Tân V – Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Tân V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị hại:

1 . Bà Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 1979; nơi cư trú: số Y, khu phố Long Th,

phường Lái Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1966; nơi cư trú: số D, khu phố C, phường Lái Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Hữu Ch1, sinh năm 1979; nơi cư trú: số K, khu phố Đông B, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Lê Thảo Tr, sinh năm 1993; nơi cư trú: số O, khu phố Long Th, phường Lái Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số B, đường N, khu phố Bình H, phường Bình Nh, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số D, đường V, khu phố C, phường Lái Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Vương Thanh T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn Ch là chủ sở hữu quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 17xx, tờ bản đồ số Q, tọa lạc tại khu phố Bình H, phường Bình Nh, thành phố T, tỉnh Bình Dương do Ch nhận chuyển nhượng từ ông Trần Trọng H2 vào ngày 22/7/2019 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cập nhật biến động sang tên Đặng Văn Ch vào ngày 15/8/2019 theo sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS103xx.

Ngày 23/9/2019, Ch thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản đối với thửa đất trên cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Dương – Phòng giao dịch Lái Th để vay 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu) đồng. Ngày 18/8/2022, Ch làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp đối với thửa đất trên.

Trong thời gian Ch đang thế chấp thửa đất số 17xx tại Ngân hàng TMCP SGTT– Chi nhánh Bình Dương – Phòng giao dịch Lái Th, khoảng tháng 5/2021 do cần tiền tiêu xài và kinh doanh nên Ch nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhằm chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị Ánh M. Để thực hiện ý định, Ch liên hệ với đối tượng tên Th1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và được Th1 đồng ý với giá 9.000.000 (chín triệu) đồng. Sau đó, Ch đưa bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 17xx cho Th1 để có thông tin làm giả tài liệu trên. Sau đó Th1 giao cho Ch 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liên với đất số CR286xxx đối với thửa đất 17xx, tờ bản đồ số Q, tọa lạc tại khu phố Bình H, phường Bình Nh, thành phố T, tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Đặng Văn Ch vào ngày 15/8/2019 theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS103xx giả và Ch giao cho Th1 số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Sau khi có được giấy giả nêu trên, ngày 28/5/2021 Ch mang đến đưa cho bà Nguyễn Thị Ánh M và nói giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên là của Ch và là giấy thật làm cho bà M tin tưởng giao cho Ch vay 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Do trước đó, Ch nhiều lần vay tiền của bà M theo hình thức tín chấp với tổng số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nên Ch và bà M thống nhất tổng số tiền mà Ch vay của bà M là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng và cả hai tiến hành lập giấy mượn tiền để xác nhận tổng số tiền vay nêu trên. Đến khoảng tháng 11/2021, bà M phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà Ch đưa là giấy giả nên đã yêu cầu Ch trả lại tiền nhưng Ch không trả nên bà M đã tố giác Ch đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương để yêu cầu xử lý. Sau đó, Ch đã trả được cho bà M 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Sau khi vay tiền của bà M, đến khoảng tháng 12/2021, do cần tiền tiêu xài và kinh doanh nên Ch tiếp tục thuê Th1 làm giả cho Ch thêm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR286xxx đối với thửa đất 17xx, tờ bản đồ số Q, tọa lạc tại khu phố Bình H, phường Bình Nh, thành phố T, tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Đặng Văn Ch (không ghi ngày, tháng, năm cấp) số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS103xx nhằm mục đích giao cho ông Nguyễn Văn Qu giữ để vay tiền của ông Qu với phí làm giả tài liệu trên là 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Sau khi có được giấy giả nêu trên, ngày 18/12/2021, Ch mang đến gặp ông Qu nói với ông Qu giấy chứng nhận trên là của Ch và là giấy thật làm cho ông Qu tin tưởng giao cho Ch vay 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Trước đó, ông Qu cho Ch vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng theo hình thức tín chấp nên giữa Ch và ông Qu thống nhất tổng số tiền vay là 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng, trong thời hạn 03 tháng với lãi suất 49.000.000 (bốn mươi chín triệu) đồng mỗi tháng trên tổng số tiền vay (tương đương lãi suất 42%/năm) thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Sau đó, cả hai tiến hành lập giấy mượn tiền đề ngày 18/12/2021 để xác nhận thỏa thuận nêu trên. Sau khi vay tiền của ông Qu, Ch đã trả được cho ông Qu 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng. Đến khoảng tháng 3/2022, do không có tiền trả lãi và gốc theo thỏa thuận nên ông Qu đã yêu cầu Ch thực hiện theo cam kết nhưng Ch không trả nên ông Qu nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giấy giả nên ông Qu đã tiến hành xác minh và xác định tài liệu trên là giả. Ông Qu tiếp tục yêu cầu Ch trả tiền nhưng Ch chỉ trả được cho ông Qu số tiền gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, số tiền còn lại Ch không trả nên

ông Qu đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương để yêu cầu xử lý. Sau đó, Ch tiếp tục trả thêm 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho ông Qu.

Bản Kết luận giám định số 474/KL-KTHS (TL+ĐV) ngày 30/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Phôi và hình dấu tròn có nội dung “*CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM*
TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CR286xxx tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên “Đặng Văn Ch”, “Nguyễn Văn Qu” và “Vương Thanh T1” trên 01 (một) “Giấy mượn tiền”, đề ngày 18/12/2021 (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết và dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải của Đặng Văn Ch, Nguyễn Văn Qu và Vương Thanh T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M12) do cùng một người ký, viết và in ra.

Bản Kết luận giám định số 522/KL-KTHS (TL) ngày 31/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR286xxx mang tên “Đặng Văn Ch”, sinh năm 1987, CMND số 36574xxxx, địa chỉ thường trú: xã Thạnh Thới Th, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, đề ngày 15/8/2019” (ký hiệu A) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Bản Kết luận giám định số 204/KL-KTHS(TL) ngày 31/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Ánh M” trên “Giấy mượn tiền”, đề ngày 28/5/2021 (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị Ánh M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký viết tên “Ch”, chữ viết họ tên “Đặng Văn Ch” và chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết tên “Ch” và chữ viết của Đặng Văn Ch trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M4 đến M7) do cùng một người ký và viết ra. (Bút lục số 65)

Tại Cáo trạng số: 131/CT-VKSBD.P2, ngày 28 tháng 7 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối Đặng Văn Ch và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Văn Ch mức án từ 13 đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản”; 03 đến 04 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Văn Ch có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại M số tiền 620.000.000 (sáu trăm hai mươi triệu) đồng; bị hại Qu 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Ch trình bày lời bào chữa:* Về tội danh, khung hình phạt không ý kiến tranh luận. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng số tiền chiếm đoạt mà Viện kiểm sát quy buộc đối với bị cáo Ch là chưa chính xác, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại, bị cáo thừa nhận số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là bà M tự nguyện cho mượn, không lập giấy tờ, đến khi bị cáo cần 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng thì bà M yêu cầu phải đưa giấy tờ làm tin nên bị cáo Ch làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho bà M, ý thức bị cáo Ch chỉ lừa bà M 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng; tương tự trường hợp ông Qu số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng ông Qu cho mượn không bảo đảm nên không thể nói là bị cáo có ý thức chiếm đoạt số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc, đánh giá xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, làm cơ sở cho việc quyết định hình phạt đối với bị cáo Ch.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã tự nguyện khắc phục cho bị hại Qu số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, bị hại M số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Bị cáo Đặng Văn Ch không bỏ sung lời bào chữa.
- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.
- Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối đáp: Bị cáo vay nhiều lần và đã viết giấy nhận nợ 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng và đưa bị hại M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thực sự rất ăn năn hối cải, bị cáo sẽ vận động gia đình bồi thường cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn Ch khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 28/5/2021 và 18/12/2021, do cần tiền trả nợ Ch đã cung cấp thông tin thuê người làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 17xx, tờ bản đồ số Q, tọa lạc tại khu phố Bình H, phường Bình Nh, thành phố T, tỉnh Bình Dương của Đặng Văn Ch (quyền sử dụng đất này đã được Ch thế chấp tại Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Bình Dương – Phòng giao dịch Lái Th để vay 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng) và sử dụng các giấy tờ giả này chiếm đoạt tiền của bị hại Nguyễn Thị Ánh M và Nguyễn Văn Qu. Cụ thể:

Trước ngày 28/5/2021, bị cáo Ch mượn tiền của bị hại M nhiều lần, tổng cộng 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, đến ngày 28/5/2021 bị cáo Ch cần tiền nên tiếp tục mượn bà M số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, do Ch đã mượn nhiều lần nên bà M yêu cầu bị cáo phải thế chấp tài sản, Ch đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà M để làm tin và tiếp tục nhận số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Bà M yêu cầu bị cáo viết lại giấy mượn tiền, với tổng số tiền mượn là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trước ngày 28/5/2021, bà M nhiều lần cho Ch mượn tiền, tổng cộng 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng dưới hình thức tín chấp, không lập giấy tờ vay mượn, không cầm cố tài sản, bị cáo cũng không đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bà M, việc này bà M cũng thừa nhận trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Do vậy, việc bị cáo Ch mượn bà M 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là giao dịch dân sự, bị cáo không có ý thức chiếm đoạt số tiền này. Cáo trạng Viện kiểm sát xác định bị cáo Ch dùng thông tin gian dối để chiếm đoạt của bà M tổng số tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng là chưa phù hợp.

Riêng đối với bị hại Qu, mặc dù bị cáo cho rằng đã vay của bị hại Qu số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng trước ngày 18/12/2021 nhưng khi vay bị cáo đã hứa sẽ thế chấp quyền sử dụng đất cho ông Qu, đến ngày 18/12/2021 bị cáo vay tiếp số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng và đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm tạo lòng tin với ông Qu. Do vậy, có căn cứ xác định bị cáo có ý thức

chiếm đoạt của bị hại Qu số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Ch đã cung cấp thông tin thuê người làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại Nguyễn Thị Ánh M, Nguyễn Văn Qu. Hành vi của bị cáo Ch đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản với số tiền lớn ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, các bị hại Nguyễn Thị Ánh M, Nguyễn Văn Qu xác định bị cáo đã tự nguyện khắc phục cho bị hại Qu số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; bị hại M số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, hình phạt, tội danh về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Ánh M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 620.000.000 (sáu trăm hai mươi triệu) đồng, bị hại Qu yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Bị cáo tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của các bị hại yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Ch phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn Ch 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Đặng Văn Ch phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 02 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đặng Văn Ch có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ánh M số tiền 620.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đặng Văn Ch có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Qu số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đặng Văn Ch phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 66.900.000 (sáu mươi sáu triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương (2);
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (5);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (2);
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (6);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, NTS, 30.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang